

Số: /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

Dự án thành phần “Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống một số loài cây lâm sản ngoài gỗ” thuộc dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; văn bản số 6094/BNN-KH ngày 24/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3079/QĐ-BNN-KH ngày 15/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp” và Quyết định số 3194/QĐ-BNN-KH ngày 23/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp”;

Xét đề nghị của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam tại Tờ trình 449/TTr-KHLN ngày 24/8/2022 trình thẩm định, phê duyệt dự án thành phần “Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống một số loài cây lâm sản ngoài gỗ” thuộc dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp” và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Lâm sản ngoài gỗ tại Tờ trình số 290/TTr-LSNG ngày 23/11/2022 trình thẩm định, phê duyệt dự án thành phần “Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống một số loài cây lâm sản ngoài gỗ”;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp (tại Báo cáo kết quả thẩm định số 23/BC-TCLN-PTR ngày 05/01/2023), và Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần (DATP) “Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống một số loài cây lâm sản ngoài gỗ” với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Dự án thành phần “Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống một số loài cây lâm sản ngoài gỗ” thuộc dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp”.

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và PTNT.

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Cấp công trình: Cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4. Đơn vị được giao chuẩn bị dự án: Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

5. Chủ đầu tư DATP (từ giai đoạn thực hiện dự án đến kết thúc xây dựng): Trung tâm Nghiên cứu Lâm sản ngoài gỗ.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng, lập báo cáo NCKT: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng và Phát triển nông thôn.

Chủ nhiệm dự án: Kỹ sư Nguyễn Anh Tuấn.

7. Mục tiêu đầu tư: Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất, chuyển giao công nghệ sản xuất giống cây lâm nghiệp cho Trung tâm Nghiên cứu Lâm sản ngoài gỗ.

8. Địa điểm xây dựng

- Tại khu Văn phòng Trung tâm (Số 8, Chương Dương Độ, Phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội).

- Trạm Nghiên cứu thực nghiệm Mây Tre Bảo Yên (Xã Tân Dương, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai).

- Một số tỉnh (hạng mục XD CB lâm sinh).

9. Quy mô, nội dung đầu tư và các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu

9.1. Quy mô, nội dung đầu tư

a) Xây dựng

Xây dựng 15 ha vườn giống hữu tính (Các loài Quế, Hồi, Giổi ăn hạt), 10 ha vườn giống vô tính (Các loài Ba kích, Trám đen). Xây dựng nhà nuôi cấy mô, phòng thí nghiệm; hoàn thiện hệ thống sân đường và một số công trình phụ trợ khác tại văn phòng Trung tâm-Hà Nội; xây dựng đường giao thông khu vườn ươm và khu rừng nghiên cứu; xây dựng nhà kho (Bảo quản hạt giống, đồ vật tư, dụng cụ lao động), vườn ươm công nghệ cao và một số công trình khác tại Trạm Nghiên cứu thực nghiệm Mây Tre, Bảo Yên, Lào Cai.

b) Thiết bị: Mua sắm một số trang thiết bị phòng nuôi cấy mô, phòng bảo quản hạt giống.

9.2. Các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu

9.2.1. Xây dựng cơ bản lâm sinh

Xây dựng 15 ha vườn giống hữu tính (Các loài Quế, Hồi, Giổi ăn hạt); 10 ha vườn giống vô tính (Các loài Ba kích, Trám đen);

9.2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng

a. Tại khu Văn phòng Trung tâm (Số 8, Chương Dương Độ, Phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội)

a.1. Xây dựng nhà thí nghiệm nuôi cấy mô

- Công trình nhà 2 tầng + 01 tum, cấp III, diện tích XD $S_{XD} = 287,5m^2$, diện tích sàn $S_{sàn} = 633,28m^2$; hành lang bên 1,8m và 0,9m; chiều cao mỗi tầng nhà 3,6m, tum 3,0m, chiều cao đến đỉnh mái $H = 10,2m$.

- Kết cấu: Móng băng BTCT đá 1x2 mác 250, lót móng bằng BT đá 4x6 mác 100, dày 10cm. Gia cố móng bằng cọc BTCT đường kính $D=300$; cột, dầm, sàn, sàn mái, bản thang bộ dùng BTCT đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ; lanh tô, giằng tường, bệ ngầm dùng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ; mái xây tường thu hồi dày 110 bổ trụ 220x220mm, xà gồ thép dẹt C120x52x20x2.5mm, lợp tôn màu.

- Nền nhà (T1) đổ cát tôn nền đầm chặt, dày 63cm, BT đá 4x6 mác 100 dày 100 trước khi lát gạch; nền T1, T2 nhà lát gạch Granit 600x600mm, chân tường ốp gạch Granit 600x120mm.

- Tường bao che và tường ngăn phòng xây gạch không nung vữa XM75#, trát tường, trần nhà vữa XM75#.

- Cầu thang bộ: Mặt bậc, cổ bậc, chiếu nghỉ. Lát đá granit nhân tạo dày 20mm, tay vịn và lan can cầu thang dùng thép inox 304 các loại.

- Tường trong nhà và ngoài nhà bả ma tít, trong nhà lăn sơn 02 nước; ngoài nhà lăn sơn chống thấm 02 nước.

- Khu vệ sinh: Lát gạch chống trơn 300x300mm, xung quanh tường ốp gạch Ceramic 300x600mm cao 2,4m; nền nhà T2 quét epoxy chống thấm, lót vữa XM75#, sau đó lát gạch chống trơn 300x300mm, xung quanh tường ốp gạch granit 300x600mm cao 2,4m màu ghi sáng; vách ngăn dùng hệ vách CEMOARD dày 12cm sơn hai mặt màu ghi sáng cùng phụ kiện INOX đồng bộ; trần thạch cao chịu

nước xương tôn chìm, thiết bị vệ sinh (xí bột, tiểu treo, lavabô), bình nóng lạnh 30 lít và phụ kiện đồng bộ;

- Bê phốt: Đáy bể đồ BTCT đá 1x2 mác 200; thành xây gạch đặc, vữa xây XM mác 75, trát trong vữa XM mác 75, đánh màu bằng XM nguyên chất; nắp đáy tấm đan BTCT đá 1x2 mác 200 đúc sẵn.

- Cửa đi, cửa sổ và các vách kính dùng khung nhôm hệ profile màu trắng bạc, kính an toàn dày 6.38 mm, màu xanh, kính cường lực dày 12 ly và 8 ly.

- Cấp nước: Ống cấp nước dùng ống PPR (PN10 cho nước lạnh, PN20 cho nước nóng), đường kính D32mm, D25mm, D20mm cùng các thiết bị, phụ kiện đồng bộ.

- Thoát nước: Nước mưa trên mái được thu qua các quả cầu thu nước vào ống đứng D90mm và dẫn đến rãnh thoát nước xung quanh nhà và xả đến hệ thống thoát nước thải chung; ống thoát nước dùng ống nhựa U.PVC Class 2 các loại.

- Cấp điện: Nguồn điện dẫn vào công trình qua tủ điện tổng, cáp dẫn vào công trình đi ngầm, sau đó cáp đến 02 tủ điện ở các tầng nhà, cáp Cu/PVC(3x10+1x6)mm² + PE (1x6)mm² đi ngầm trong tường; cáp điện trong nhà dùng dây dẫn ruột đồng loại CU/PVC(1x6)mm², CU/PVC(2x4)mm², (2x2,5)mm², (2x1,5)mm² đi trong các ống nhựa đặt ngầm tường, trần; chiếu sáng dùng đèn led; thông gió dùng quạt trần, quạt hút, điều hòa nhiệt độ; cùng các phụ kiện đồng bộ đi kèm.

- Chống sét: Dùng kim thu sét bằng thép tròn f16, đầu mạ đồng làm vật liệu thu sét lắp trên mái; dây dẫn sét dùng thép D10mm mạ kẽm; hệ thống tiếp địa dùng thép l63x63x6mm mạ kẽm, dài 2.50m.

- Phòng cháy chữa cháy: Lắp đặt hệ thống chữa cháy xách tay, gồm bình nội quy chữa cháy, tiêu lệnh chữa cháy, bình chữa cháy khí C02 MT3 và bình chữa cháy bột MFZ4.

- Thiết bị điện, nước, vệ sinh do Việt Nam hoặc Liên doanh sản xuất.

a.2. Hệ thống sân đường, thoát nước

Diện tích 880 m². Cấu tạo từ trên xuống gồm mặt bê tông xi măng đá 2x4 M250# dày 15cm, vải xác rắn 01 lớp, cát hạt trung đầm chặt dày trung bình 6cm, móng cấp phối đá dăm dày 15cm, đất nền đầm chặt K0,95. Bồn hoa xây gạch, mặt và thành ốp gạch giềng đáy. Thoát nước mưa dùng bằng hệ thống cống D600 kết hợp giếng thu. Chiều dài cống 116m, giếng thu 05 chiếc. Cống BTCT D600 dùng loại tiêu chuẩn B-H13, mác 300#, đúc sẵn, để cống đúc sẵn đặt đều 2 cái /1m. Giếng thu dùng BT mác M200#, trên có nắp đan BTCT có bố trí lưới chắn rác bằng gang đúc.

b. Tại Trạm Nghiên cứu thực nghiệm Mây tre Bảo yên (Xã Tân Dương, huyện Bảo Yên, TP Lào Cai)

b.1. Xây dựng nhà kho (Bảo quản hạt giống, để vật tư, dụng cụ lao động)

- Là nhà 1 tầng, công trình cấp IV, diện tích xây dựng S_{xd} = 100 m², kích thước mặt bằng 18m x 5,4m, gồm 5 bước cột 3,3m; chiều cao tầng nhà 3,9m (Tới

đỉnh cột), 5,18m (Tới đỉnh mái).

- Kết cấu: Móng đơn, cột, dầm, sàn, lanh tô dùng BTCT đá 1x2 M200 đổ tại chỗ. Mái lợp tôn lạnh dày 0.42mm; vì kèo thép hộp mạ kẽm, L = 7,5m; xà gồ thép hộp mạ kẽm 100x50x2mm; dầm trần thép hộp mạ kẽm 100x50x1.2mm, trần tôn lạnh dày 0.42mm, hệ tăng đỡ, vít, phào nhựa và các phụ kiện đồng bộ khác.

- Rãnh thoát nước: Đáy rãnh BT đá 4x6 mác 100, dày 10 cm; thành rãnh xây gạch đặc không nung, vữa xây trát, lán XM mác 75; hố ga thu nước (KT 1mx1m, sâu 0,5m); nắp tấm đan BTCT đá 1x2 mác 200 dày 80mm.

- Tường bao, tường ngăn, tường thu hồi xây bằng gạch không nung, dày 200, vữa xây trát vữa XM mác 75, trong, ngoài lăn sơn màu.

- Cửa sổ làm bằng khung sắt kính, cửa đi khung sắt bít tôn, sơn 01 nước chống rỉ, 02 nước sơn màu ghi; cửa sổ có hoa sắt bảo vệ làm bằng thép vuông 14x14, sơn 01 nước chống rỉ, 02 nước sơn màu ghi; cửa thông gió chân tường bằng chớp BTCT bên trong lưới chống chuột.

- Nguồn điện dẫn vào công trình qua tủ điện tổng, cáp Cu/PVC(2x10)mm² - PE (1x6)mm² đi trên dây thép Ø4; cáp điện trong nhà dùng dây dẫn ruột đồng loại CU/PVC (2x2,5)mm², (2x1,5)mm² đi trong các ống nhựa Ø16 đặt ngầm tường, trần; chiếu sáng dùng đèn led cùng các phụ kiện đồng bộ đi kèm.

b.2. Xây dựng vườn ươm công nghệ cao: Diện tích 700m²

- Kết cấu móng chân cột BTCT đá 1x2 mác 200, dầm móng đá 2x4 vữa XM100#; hệ thống khung cột hai đầu hồi dùng thép hộp tráng kẽm, hệ thống khung cột giữa nhà dùng thép ống tráng kẽm; xà gồ, thanh giằng ngang, thanh vòm, thanh chống đứng, chéo dùng thép ống tráng kẽm các loại; toàn bộ hệ thống khung nhà được liên kết lắp ghép bằng bu lông kết hợp vít thép.

- Máng thoát nước mái nhà dùng tôn tráng kẽm dày 1,8mm; mái vòm phủ lưới INOX chống côn trùng 50 MESH, kết hợp màng ni lông thấu quang PO FILIM 5 lớp vén lên được.

- Trong nhà có hệ điều tiết sáng bằng lưới PE màu trắng giảm hấp thụ nóng và cắt giảm 45% - 60% sáng; thu rải lưới bằng máy cùng hệ khung thép hình tráng kẽm, cước đỡ lưới giảm sáng.

- Xung quanh nhà căng lưới INOX chống côn trùng 50 MESH.

- Móng tường, tường lửng bao xung quanh nhà, rãnh chống côn trùng, thành bó hè xây bằng gạch không nung dày 110, vữa xây trát XM75#.

- Đường hiên bao xung quanh trong và ngoài nhà, 2 đường chạy giữa vườn dùng BT đá 2x4 M150 dày 10cm, dưới rải 01 lớp vải xác rắn, đệm cát đen đầm chặt dày 10cm.

- Hệ thống tưới phun mưa: Lắp đặt hệ thống tưới phun mưa; các tuyến ống cố định vào thanh cánh hạ, neo vào cáp dẫn hướng D6, khoảng cách dây tưới a=1m, khoảng cách vòi phun a=0,95/vòi; vòi tưới mù cùng các phụ kiện nối đồng bộ đi kèm (ISRAEN hoặc tương tự); ống dẫn sử dụng ống nhựa PP-R; cấp nước cho hệ thống tưới bằng máy bơm, lọc, pha vi chất và các phụ kiện đồng bộ đi kèm.

Hệ thống tưới có thể điều khiển công tắc từ xa, điều khiển các nhánh tưới bằng van điện điều khiển.

- Chiếu sáng dùng đèn led cùng các phụ kiện đồng bộ đi kèm.

b.3. Đường giao thông nội bộ khu rừng nghiên cứu: $L = 1.000\text{md}$

Nền đường rộng 4,5m, mặt đường cấp phối đá dăm loại I dày 15cm rộng 3m, chiều rộng lề đường không gia cố: 2x0,75m. Độ dốc mặt đường 3%, độ dốc lề đường 5%; mái taluy đào 1/1,0 và 1/0,75, đào rãnh dọc 2 bên đường, bố trí cống qua đường tại những vị trí tụ thủy hoặc khoảng cách 300m.

9.2.3 Nội dung đầu tư – Phần thiết bị

Mua sắm một số trang thiết bị phòng nuôi cấy mô, phòng bảo quản hạt giống.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng

a) Số bước thiết kế: 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

b) Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng

- Các quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 03: 2012/BXD về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị, QCVN 01: 2008/BCT về an toàn điện.

- Các tiêu chuẩn thiết kế xây dựng: TCVN 2737: 1995 Tải trọng và tác động, TCVN 9379: 2012 Kết cấu xây dựng và nền, TCVN 9362: 2012 Nền nhà và công trình, TCVN 5574: 2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá có cốt thép.

- Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn xây dựng khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư

a) Tổng mức đầu tư xây dựng DATP lập theo quy định tại Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn; đơn giá xây dựng công trình do UBND tỉnh Lào Cai công bố; giá vật tư, vật liệu, giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công theo công bố giá quý II/2022 của thành phố Hà Nội, tỉnh Lào Cai và mặt bằng giá thị trường khu vực tại thời điểm trình tổng mức đầu tư.

b) Tổng mức đầu tư xây dựng được duyệt: 15.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	: 11.125.917.000đ
+ Xây dựng cơ bản lâm sinh	: 2.830.885.000đ
+ Xây dựng cơ sở hạ tầng	: 8.295.032.000đ
- Chi phí thiết bị	: 780.000.000đ
- Chi phí quản lý dự án	: 388.490.000đ

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 904.316.000đ
- Chi phí khác : 188.306.000đ
- Dự phòng : 1.612.971.000đ

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

11. Nguồn vốn: Vốn Ngân sách nhà nước, thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản được giao cho Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 1535/QĐTTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện: 03 năm, từ năm 2023 đến năm 2025.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

1. Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (Đơn vị được giao chuẩn bị dự án):

- Đầu mối, chủ trì tổng hợp trình Bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có) và tổng hợp báo cáo Bộ về tình hình thực hiện dự án, đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ toàn dự án.

- Chủ trì hoàn chỉnh hồ sơ, trình quyết toán các chi phí chuẩn bị dự án theo quy định.

- Cung cấp các hồ sơ tài liệu có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị dự án cho Chủ đầu tư DATP có liên quan.

- Hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo NCKT theo nội dung được duyệt tại Quyết định này và các ý kiến thẩm định nêu trong báo cáo kết quả thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp;

- Thực hiện lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án và các nhiệm vụ theo quy định.

2. Trung tâm Nghiên cứu Lâm sản ngoài gỗ (Chủ đầu tư DATP từ giai đoạn thực hiện dự án đến kết thúc xây dựng):

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc quản lý và thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư DATP theo quy định;

- Tổ chức quản lý và thực hiện DATP theo nội dung Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, của địa phương về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư, quản lý chất lượng công trình xây dựng, đảm bảo an toàn, đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả;

- Trình Bộ thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu DATP phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và các quy định hiện hành;

- Tổ chức lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình, trình Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt; lưu ý các ý kiến thẩm định tại báo cáo thẩm định.

- Trình Bộ (qua Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường) thẩm định, phê duyệt tính năng, thông số kỹ thuật các thiết bị khoa học, công nghệ.

- Thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến thanh lý tài sản theo quy định (sau khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư).

- Làm việc với các cơ quan có thẩm quyền về quản lý xây dựng, phòng cháy chữa cháy, cấp điện, cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường ... tại địa phương về các thủ tục có liên quan theo quy định (nếu cần).

- Chủ trì lập hồ sơ, trình quyết toán kinh phí hạng mục hoặc DATP giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng theo quy định.

3. Các Vụ: Kế hoạch; Tài chính; Khoa học Công nghệ và Môi trường; Cục Quản lý Xây dựng Công trình; Tổng cục Lâm nghiệp và các đơn vị liên quan thực hiện theo phân công tại Quyết định số 3552/QĐ-BNN-KH ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Lâm sản ngoài gỗ và các Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Nguyễn Quốc Trị
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Kho bạc NN (TU và ĐP);
- Lưu: VT, TCLN (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục I.
CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
DỰ ÁN THÀNH PHẦN “HOÀN THIỆN CƠ SỞ HẠ TẦNG, TRANG THIẾT BỊ PHỤC
VỤ PHÁT TRIỂN GIỐNG MỘT SỐ LOÀI CÂY LÂM SẢN NGOÀI GỖ”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN, ngày tháng 01 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG				15.000.000
I	Xây dựng				11.125.917
I.1	Xây dựng cơ bản lâm sinh				2.830.885
1	Xây dựng vườn giống hữu tính	ha	15	118.656	1.779.845
2	Xây dựng vườn giống vô tính	ha	10	105.104	1.051.040
II.1	Xây dựng cơ sở hạ tầng				8.295.032
a	Tại Văn phòng Trung tâm (Hà Nội)				5.783.085
1	Xây dựng nhà thí nghiệm nuôi cây mô (2 tầng)	m ²	633,28		5.147.468
2	Hệ thống sân, đường thoát nước	Hệ thống	1		635.617
b	Trạm NCTN Mây Tre Bảo Yên (Lào Cai)				2.511.947
1	Xây dựng nhà kho (Bảo quản hạt giống, đồ vật tư, dụng cụ lao động)	m ²	100		658.156
2	Xây dựng vườn ươm công nghệ cao	m ²	700		412.620
3	Hệ thống đường giao thông nội bộ khu rừng nghiên cứu	m	1.000		1.441.171
II	Chi phí thiết bị				780.000
1	Thiết bị phòng nuôi cây mô, phòng bảo quản hạt giống	Hệ thống	1		780.000
III	Chi phí quản lý dự án		11.905.917	3,263%	388.490
1	Giai đoạn chuẩn bị dự án		276.156	3,000%	8.285
2	Giai đoạn thực hiện và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng				380.205
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				904.316
IV.1	Giai đoạn chuẩn bị dự án				276.156
1	Lập nhiệm vụ, dự toán CBĐT		15.000.000	0,035%	5.276
2	Khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500		Dự toán		111.786
3	Khảo sát địa chất		Dự toán		78.127
4	Giám sát công tác khảo sát				4.552
5	Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi				63.779
6	Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi				11.282
7	Lập HSMT, báo cáo đánh giá HSĐT gói thầu dịch vụ tư vấn				1.354
IV.2	Giai đoạn thực hiện và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng				628.160
1	Thiết kế BVTC, dự toán xây dựng		8.295.032	3,1300%	259.635

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
	công trình				
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC		8.295.032	0,1890%	15.678
3	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng		8.295.032	0,1830%	15.180
4	Lập HSMT, báo cáo đánh giá HSDT gói thầu dịch vụ tư vấn		855.345	0,8160%	6.980
5	Lập HSMT, đánh giá HSDT xây dựng		8.295.032	0,361%	29.945
6	Lập HSMT, đánh giá HSDT thiết bị		780.000	0,281%	2.192
7	Giám sát thi công xây dựng công trình		11.125.197		296.6220
	- Giám sát thi công phần xây dựng cơ sở hạ tầng		8.295.032	8.295.032	215.505
	- Giám sát thi công phần xây dựng lâm sinh		2.830.885	2,598%	73.546
8	Giám sát lắp đặt thiết bị		780.000	0,718%	5.600
9	Thẩm định giá thiết bị công nghệ (tạm tính)		780.000	0,500%	3.900
V	Chi phí khác				168.557
1	Phí thẩm định Báo cáo NCKT		15.000.000	0,019%	2.850
2	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công		7.540.938	0,0363%	2.737
3	Phí thẩm định dự toán xây dựng.		7.540.938	0,0351%	2.647
4	Thẩm định HSMT, kết quả LCNT		9.075.032	0,1000%	9.075
5	Chi phí bảo hiểm công trình		8.295.032	0,080%	6.636
6	Kiểm tra công tác nghiệm thu		215.505	20,000%	43.101
7	Chi phí kiểm toán		15.000000	0,620%	93.000
8	Phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		15.000.000	0,188%	28.260
VI	Chi phí dự phòng				1.612.971
1	Dự phòng cho khối lượng, công việc phát sinh	%	10.556.144	10%	1.055.614
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	%	10.556.144	5%	557.356

Phụ lục II.
CHI TIẾT DANH MỤC THIẾT BỊ
DỰ ÁN THÀNH PHẦN “HOÀN THIỆN CƠ SỞ HẠ TẦNG, TRANG THIẾT BỊ PHỤC
VỤ PHÁT TRIỂN GIỐNG MỘT SỐ LOÀI CÂY LÂM SẢN NGOÀI GỖ”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN, ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cân kỹ thuật cho phòng thí nghiệm	Chiếc	1	22.000	22.000
2	Cân điện tử	Chiếc	1	50.000	50.000
3	Máy hút bụi	Chiếc	1	6.000	6.000
4	Giàn nuôi cây	Chiếc	5	12.000	60.000
5	Máy cất nước 1 lần	Chiếc	1	60.000	60.000
6	Máy hút ẩm	Chiếc	2	10.000	20.000
7	Xe đẩy inox 2 tầng	Chiếc	2	2.500	5.000
8	Máy điều hòa nhiệt độ cho phòng lưu mẫu	Bộ	2	32.000	64.000
9	Máy điều hòa nhiệt độ cho phòng kỹ thuật	Bộ	2	15.000	30.000
10	Máy điều hòa âm trần	Bộ	4	40.000	160.000
11	Bục đặt gồm cả tượng Bác	Chiếc	1	8.000	8.000
12	Bục giảng	Chiếc	1	5.000	5.000
13	Hệ thống rèm	M2	40	500	20.000
14	Tủ gỗ góc	Chiếc	1	6.000	6.000
15	Trang thiết bị âm thanh	HT	1	70.000	70.000
	<i>Amplify Nuoxun AX-240T</i>	<i>Cái</i>	<i>1</i>	<i>12.400</i>	<i>12.400</i>
	<i>Loa hộp Nuoxun MPX-30W</i>	<i>Cái</i>	<i>8</i>	<i>2.750</i>	<i>22.000</i>
	<i>Micro không dây Nuouxn QT360B đã bao gồm đầu thu không dây</i>	<i>Bộ</i>	<i>2</i>	<i>11.150</i>	<i>22.300</i>
	<i>Thiết bị xử lý tín hiệu Nuouxn LP-4P</i>	<i>Cái</i>	<i>1</i>	<i>7.000</i>	<i>7.000</i>
	<i>Tủ rack chuyên nghiệp 8U (Việt Nam)</i>	<i>Cái</i>	<i>1</i>	<i>2.200</i>	<i>2.200</i>
	<i>Bộ quản lý nguồn điện ATMS9</i>	<i>Cái</i>	<i>1</i>	<i>3.180</i>	<i>3.180</i>
	<i>Dây loa (Việt Nam)</i>	<i>m</i>	<i>40</i>	<i>23</i>	<i>920</i>
16	Bàn cho phòng đào tạo, huấn luyện	Chiếc	20	3.500	70.000
17	Ghế cho phòng đào tạo, huấn luyện	Chiếc	70	1.000	70.000
18	Máy tính để bàn	Bộ	1	20.000	20.000
19	Máy in	Chiếc	1	8.000	8.000
20	Máy định vị GPS	Chiếc	2	13.000	26.000
	TỔNG CỘNG				780.000.000